

CHƯƠNG 2

THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

ĐIỀU 2.1

Đối xử Tối huệ quốc

1. Đối với mọi khoản thuế quan và khoản thu thuộc bất cứ loại nào được áp dụng hay có liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu hoặc được áp dụng đối với việc chuyển tiền quốc tế để thanh toán hàng xuất nhập khẩu, đối với phương thức đánh thuế và các khoản thu nêu trên, đối với tất cả quy định, thủ tục liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu và đối với tất cả các vấn đề nêu tại khoản 2 và khoản 4 của Điều III của Hiệp định GATT 1994, bất kỳ lợi thế, biệt đãi, đặc quyền hay miễn trừ được bất kỳ Bên nào dành cho hàng hóa có xuất xứ từ hay được giao tới một nước thứ ba sẽ được dành ngay lập tức và vô điều kiện cho hàng hóa tương tự đến từ hay được giao tới Bên kia.

2. Không một quy định nào tại khoản 1 của Điều này buộc một Bên phải dành cho Bên kia các lợi thế, biệt đãi, đặc quyền hay miễn trừ trên cơ sở tối huệ quốc mà Bên đó dành cho bất kỳ một nước thứ ba đáp ứng các tiêu chí sau:

a) dành cho các nước láng giềng nhằm mục đích tạo thuận lợi cho giao thông biên giới;

b) dành cho các nước tham gia một liên minh hải quan, khu vực thương mại tự do hoặc các tổ chức kinh tế khu vực, hoặc bất kỳ hiệp định thương mại khu vực khác như được định nghĩa tại Điều XXIV của Hiệp định GATT 1994;

c) dành cho các nước đang phát triển và kém phát triển theo quy định của GATT 1994, Hệ thống ưu đãi phổ cập trong khuôn khổ UNCTAD hoặc các luật lệ và quy định liên quan của các Bên.

ĐIỀU 2.2

Đối xử quốc gia

Điều III của Hiệp định GATT 1994 và các chú giải của Điều này sẽ trở thành một phần của Hiệp định này, với *sự điều chỉnh phù hợp*.

ĐIỀU 2.3

Cắt giảm và/hoặc Xóa bỏ thuế quan

1. Trừ phi được quy định khác trong Hiệp định này, mỗi Bên sẽ dần cắt giảm và/hoặc xóa bỏ thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ của Bên kia theo lộ trình cam kết thuế của mình tại Phụ lục 1 của Hiệp định này và sẽ không tăng thuế hoặc đưa ra một loại thuế mới dẫn tới kết quả là thuế suất đối với hàng hóa có xuất xứ của Bên kia vượt mức cam kết trong lộ trình cam kết thuế của mình tại Phụ lục 1 của Hiệp định này.
2. Một Bên, vào bất kỳ thời điểm nào, có thể đơn phương đẩy nhanh việc cắt giảm và/hoặc xóa bỏ thuế quan trong lộ trình cam kết thuế của mình tại Phụ lục 1 của Hiệp định này đối với hàng hóa có xuất xứ của Bên kia. Quy định này sẽ không ngăn cản một Bên tăng thuế lên mức đã xác định trong lộ trình cam kết thuế của mình tại Phụ lục 1 của Hiệp định này đối với năm tương ứng sau khi đã đơn phương đẩy nhanh cắt giảm. Bên cân nhắc thực hiện việc tăng, giảm và/hoặc xóa bỏ thuế quan này sẽ thông báo cho Bên kia sớm nhất có thể trước khi mức thuế quan mới có hiệu lực.
3. Các Bên có thể xem xét đẩy nhanh việc cắt giảm và/hoặc xóa bỏ thuế quan trong lộ trình cam kết thuế của mình tại Phụ lục 1 của Hiệp định này bằng cách sửa đổi Hiệp định phù hợp với Điều 15.5 của Hiệp định này.
4. Nếu mức thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ mà một Bên áp dụng theo Phụ lục 1 của Hiệp định này cao hơn mức thuế tối huệ quốc áp dụng đối với cùng loại hàng hóa, hàng hóa đó có thể được hưởng mức thuế suất thứ hai.

ĐIỀU 2.4

Thay đổi mã HS và Mô tả

1. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng bất kỳ thay đổi về mã HS và mô tả của mình sẽ được thực hiện mà không làm giảm nhân nhượng về thuế quan đã cam kết theo Phụ lục 1 của Hiệp định này.
2. Những thay đổi về mã HS và mô tả của Việt Nam và thay đổi về mã HS và mô tả của Liên minh sẽ do Việt Nam và Ủy ban Kinh tế Á-Âu, tương ứng, thực hiện. Các Bên sẽ công bố kịp thời bất kỳ thay đổi về mã HS và mô tả và thông báo cho bên kia hàng quý.

ĐIỀU 2.5

Phí, lệ phí và các thủ tục liên quan đến Nhập khẩu và Xuất khẩu

1. Điều VIII của GATT 1994 và các chú giải của Điều này sẽ trở thành một phần của Hiệp định này, *với những thay đổi phù hợp*.

2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo các cơ quan liên quan công bố các thông tin liên quan đến phí và lệ phí mà Bên đó áp dụng trên trang web chính thức.

ĐIỀU 2.6

Quản lý các quy tắc thương mại

Mỗi Bên sẽ quản lý một cách đồng bộ, công bằng và hợp lý tất cả các luật, quy tắc, quyết định pháp luật và quy tắc hành chính có hiệu lực chung liên quan đến thương mại hàng hóa giữa các Bên phù hợp với Điều X của GATT 1994.

ĐIỀU 2.7

Trợ cấp

1. Quyền và nghĩa vụ của các Bên đối với các khoản trợ cấp cho hàng hóa không thuộc phạm vi của Hiệp định Nông nghiệp trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO sẽ được điều chỉnh bởi các quy định của Điều XVI của Hiệp định GATT 1994, Hiệp định SCM và các nghĩa vụ và cam kết WTO liên quan của mỗi Bên.
2. Các Bên chia sẻ mục tiêu đạt được một thỏa thuận đa phương về xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với hàng nông nghiệp.
3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên đối với các khoản trợ cấp cho hàng nông nghiệp được giao tới Bên kia sẽ được điều chỉnh bởi các nghĩa vụ và cam kết WTO liên quan của mỗi Bên.
4. Mỗi Bên sẽ đảm bảo minh bạch đối với các trợ cấp thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều này. Theo yêu cầu của một Bên, Bên kia, trong một khoảng thời gian hợp lý, sẽ cung cấp thông báo về một trợ cấp riêng biệt do Bên đó áp dụng hoặc duy trì như định nghĩa trong Hiệp định SCM. Thông báo này sẽ bao gồm các thông tin quy định tại Điều 25.3 của Hiệp định SCM.

ĐIỀU 2.8

Cấp phép nhập khẩu

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các thủ tục cấp phép nhập khẩu được định nghĩa tại Điều 1 đến Điều 3 của Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO (sau đây được gọi là “Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu”) được thực hiện một cách minh bạch và có thể dự đoán được, và được áp dụng theo Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu.

2. Mỗi Bên sẽ công bố các nguyên tắc và thông tin liên quan đến thủ tục cấp phép của mình một cách nhất quán với Điều 1.4 của Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu. Một Bên, khi áp dụng thủ tục cấp phép mới hoặc thay đổi các thủ tục này, sẽ thông báo cho Bên kia các thủ tục cấp phép hoặc các thay đổi đó trong vòng 60 ngày kể từ khi công bố. Thông báo này sẽ bao gồm các thông tin như quy định tại Điều 5.2 và 5.3 của Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu. Các thông tin này sẽ được cung cấp thông qua đầu mối mà mỗi Bên phân công thực hiện việc này.

ĐIỀU 2.9

Hạn chế định lượng

1. Không Bên nào được thông qua hoặc duy trì hạn chế định lượng, kể cả việc cấm hoặc hạn chế nhập khẩu hàng hoá từ Bên kia hoặc xuất khẩu hàng hoá đến lãnh thổ của Bên kia, ngoại trừ theo nghĩa vụ và cam kết WTO của Bên đó. Theo tinh thần đó, Điều XI và XIII của Hiệp định GATT 1994 và các chú giải của Điều này sẽ được bổ sung và trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi phù hợp*.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo minh bạch đối với bất kỳ hạn chế định lượng được phép duy trì theo đoạn 1 của Điều này và sẽ đảm bảo biện pháp đó được dự thảo, ban hành hoặc áp dụng không nhằm mục đích, hoặc có tác động, tạo ra các rào cản không cần thiết đối với thương mại giữa các Bên.

ĐIỀU 2.10

Các biện pháp phòng vệ theo ngưỡng

1. Liên minh Kinh tế Á Âu có thể áp dụng một biện pháp phòng vệ theo ngưỡng đối với một số mặt hàng có xuất xứ của Việt Nam được liệt kê trong Phụ lục 2 của Hiệp định này và được nhập khẩu vào trong lãnh thổ của các nước thành viên Liên minh Kinh tế Á Âu nếu số lượng nhập khẩu trong bất kỳ năm nào vượt quá mức ngưỡng tương ứng của năm đó được quy định trong Phụ lục 2 của Hiệp định này.
2. Biện pháp phòng vệ theo ngưỡng sẽ được áp dụng theo hình thức các mặt hàng liên quan bị áp thuế quan tương đương với thuế suất tối huệ quốc bắt đầu từ ngày biện pháp phòng vệ theo ngưỡng có hiệu lực.
3. Biện pháp phòng vệ theo ngưỡng sẽ được áp dụng trong một khoảng thời gian không quá sáu tháng.

4. Ngoài những trường hợp quy định tại Mục 3 Điều khoản này, nếu số lượng nhập khẩu vượt quá 150% mức ngưỡng theo quy định vào ngày áp dụng biện pháp phòng vệ theo ngưỡng, thời gian áp dụng biện pháp này có thể được kéo dài thêm ba tháng.

5. Ủy ban Kinh tế Á - Âu sẽ công bố dữ liệu về khối lượng nhập khẩu liên quan có thể sẵn sàng truy cập được cho Việt Nam. Nếu những điều nêu tại Mục 1 của Điều này xảy ra, Ủy ban Kinh tế Á - Âu sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản về việc đó. Ủy ban Kinh tế Á - Âu cũng sẽ thông báo bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước khi quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ theo ngưỡng, và 3 ngày sau khi ra quyết định áp dụng, với điều kiện quyết định này có hiệu lực không trước 30 ngày kể từ ngày quyết định được đưa ra và không làm ảnh hưởng đến quyền áp dụng biện pháp này của Liên minh Kinh tế Á Âu. Nếu Liên minh Kinh tế Á Âu quyết định không áp dụng biện pháp phòng vệ theo ngưỡng, Liên minh sẽ thông báo bằng văn bản kịp thời cho Việt Nam về quyết định của mình.

6. Theo yêu cầu của một trong hai Bên, Bên kia sẽ tham gia kịp thời vào việc tham vấn và/hoặc cung cấp thông tin được yêu cầu với mục đích chứng minh các điều kiện tuân thủ và áp dụng biện pháp phòng vệ theo ngưỡng theo quy định từ Mục 1 đến Mục 4 của Điều khoản này.

7. Mỗi ba năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực, các Bên sẽ rà soát lại việc thực thi Điều khoản này và, nếu cần thiết, cùng quyết định sửa đổi Điều khoản này cũng như Phụ lục 2 của Hiệp định này, phù hợp với Điều khoản 15.5 của Hiệp định.

ĐIỀU 2.11

Doanh nghiệp thương mại nhà nước

Mỗi Bên sẽ đảm bảo các doanh nghiệp thương mại nhà nước của mình hoạt động phù hợp với Điều XVII của GATT 1994 và các nghĩa vụ và cam kết WTO của Bên đó.

ĐIỀU 2.12

Ủy ban về Thương mại hàng hóa

1. Các Bên theo quy định trong Hiệp định này thành lập một Ủy ban về Thương mại Hàng hoá ((sau đây được gọi là “Ủy ban Hàng hoá”), gồm đại diện của mỗi Bên.

2. Ủy ban Hàng hóa sẽ gặp theo yêu cầu của một Bên để xem xét bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong Chương này và trong các Chương (Phòng vệ thương mại, Quy tắc xuất xứ, Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại, SPS, TBT)

3. Ủy ban Hàng hóa sẽ có các chức năng sau:

a) Rà soát và giám sát việc triển khai và thực hiện các Chương như được đề cập tại đoạn 2 của Điều này;

b) Rà soát và đưa ra các đề xuất phù hợp, nếu cần, lên Ủy ban Hỗn hợp đối với bất kỳ sửa đổi nào của các điều khoản trong Chương này và các biểu cam kết thuế quan tại Phụ lục 1 của Hiệp định này nhằm mục đích thúc đẩy và tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường;

c) Xác định và đề xuất các biện pháp nhằm xử lý bất kỳ vấn đề nào phát sinh;

d) Báo cáo các vấn đề phát sinh từ việc triển khai Chương này lên Ủy ban Hỗn hợp.